

Bản án số 470/2021/HSST

Ngày 22/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành
2. Ông Trần Xuân Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 340/2021/HSST ngày 29/6/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 397/2021/QĐXXST-HS ngày 03/8/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Tr**, sinh ngày 02/02/1982.

Nơi cư trú xóm N, xã L, thành phố TN, tỉnh TN. Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12.

Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1953, con bà Vũ Thị H, sinh năm 1959, gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ Triệu Thị T, sinh năm 1989 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2010. Tiền sự: không

- Tiền án: 4

+ Tại bản án HSST số 27 ngày 10/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh BK xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Tại bản án HSST số 34 ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh BK xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản 408.000 đồng)

+ Tại bản án HSST số 28 ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh BK xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Tại bản án HSST số 75 ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

+ Tại Quyết định tổng hợp bản án hình sự số 01 ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN, buộc Nguyễn Văn Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án (Bản án HSST số 28 ngày 16/9/2015 và bản án HSST số 75 ngày 28/9/2015) là 5 năm 6 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 01/12/2020

Nhân thân: 3

+ Tại bản án HSST số 20 ngày 14/3/2001 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại tháng 11/2002. Đã chấp hành xong án phí

+ Tại bản án HSST số 151 ngày 17/8/2005 của Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 19/9/2008

+ Tại Quyết định số 0121784 ngày 16/6/2021 của Công an thành phố TN xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2021 đến nay.

(Có mặt tại phiên tòa);

Bị hại: Ông Đặng tiến D, sinh năm 1978, trú tại xóm M.Đ, xã L, thành phố TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, trú tại xóm B.Đ, xã L, thành phố TN. (Vắng mặt)

- Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1979, trú tại xóm N.H, xã L, thành phố TN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Tr (Là người đã bị kết án về tội Cướp tài sản, chưa được xóa án tích), do mới ra trại không có nghề nghiệp ổn định nên khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/12/2020 Tr một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20B2 – 129.79 lên chùa L, thuộc xóm M.Đ, xã L, thành phố TN, xem có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp. Khi đến nơi Tr để xe mô tô ở dưới cổng chùa, đi bộ lên ban thờ chúng sinh ở sân chùa, khi quan sát có 3.000 đồng và không có người trông coi, nên Tr tự ý cầm cốc nến châm thuốc lá hút rồi nhanh chóng dùng tay phải lấy 3.000 đồng (gồm 01 tờ có mệnh giá 1.000 đồng và 01 tờ có mệnh giá 2.000 đồng) cất giấu vào túi áo khoác phía trước rồi đi ra cổng chùa. Khi Tr đi được một đoạn thì gặp anh Đặng Tiến D (tức Thích Minh T, sinh năm 1978, trú tại xóm M.Đ, xã L, thành phố TN) là người được phân công quản lý chùa L, Tr không nói gì ra lấy xe đi và tiêu xài cá nhân hết số tiền đã trộm cắp trên.

Sau khi Tr ra khỏi chùa, anh Đặng Tiến D đến ban thờ chúng sinh phát hiện bị mất số tiền 3.000 đồng nên đã làm đơn trình báo Công an xã L Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận của Tr phù hợp với chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, như: Đơn trình báo, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan.

Về dân sự: Anh Đặng Tiến D không yêu cầu Tr bồi thường số tiền 3.000 đồng mà Tr đã chiếm đoạt.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20B2 - 129.79, quá trình điều tra xác định là của chị Vũ Thị H2 (sinh năm 1979, trú tại xóm N, xã L, thành phố TN) Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H2 quản lý sử dụng. Số tiền 3.000 đồng không thu hồi được

Bản cáo trạng số 349/CT-VKSTPTN ngày 29/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố Nguyễn Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đối với bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội Trộm cắp tài sản. Đề nghị: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "Tái phạm". Đề xuất xử phạt Nguyễn Văn Tr từ 09 đến 12 tháng tù, không phạt bổ sung đối với bị cáo

- Phần dân sự: Anh Đặng Tiến D không yêu cầu Tr bồi thường số tiền 3.000đồng mà Tr đã chiếm đoạt nên không đặt ra xem xét.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20B2 - 129.79, quá trình điều tra đã trả cho chị Vũ Thị H2, trú tại xóm N, xã L, thành phố TN quản lý sử dụng; số tiền 3.000 đồng hiện không thu hồi được. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu số tiền 3.000đồng do bị cáo phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm ngân sách nhà nước;

Trong phần tranh luận, bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1] .Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] .Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, lời khai của bị hại, người làm chứng và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ đó Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 17

giờ 30 phút ngày 26/12/2020 Nguyễn Văn Tr (Là người đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, Cướp tài sản, Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích) một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20B2 – 129.79 lên chùa L, thuộc xóm M.Đ, xã L, thành phố TN. Lợi dụng sơ hở của người quản lý Tr đã trộm cắp 3.000 đồng ở ban thờ chúng sinh, cất giấu vào túi áo khoác rồi mang đi tiêu xài cá nhân hết.

[3] Đánh giá của Hội đồng xét xử: Bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài 3.000đ của chùa L được pháp luật bảo vệ. Tuy số tiền bị cáo trộm cắp chưa đến 2.000.000đ nhưng bị cáo đã có 3 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích (02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, 01 tiền án về tội Cướp tài sản) lần phạm tội này thuộc Tr hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Nội dung Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các Tr hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự mà điều luật đã quy định.

[4] Xét mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần có mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

5.1.Về tiền án: Bị cáo có 4 tiền án như: Tại bản án HSST số 34 ngày 11/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh BK xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại bản án HSST số 28 ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh BK xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Tại bản án HSST số 75 ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Tại Quyết định tổng hợp bản án hình sự số 01 ngày 26/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN, buộc Nguyễn Văn Tr phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án (Bản án HSST số 28 ngày 16/9/2015 và bản án HSST số 75 ngày 28/9/2015) là 5 năm 6 tháng tù. Chấp hành xong án phạt tù ngày 01/12/2020.

5.2. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân rất xấu năm 2001 Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh TN xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; năm 2005 Tòa án nhân dân thành phố TN xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 16/6/2021 bị Công an thành phố TN xử phạt 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản.

5.3. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Năm 2015 bị cáo bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích, đến thời điểm phạm tội mới chưa được xoá án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Từ những nội dung nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Do bị cáo đã có tiền án, chưa được xoá án tích, khi ra trại tiếp tục phạm tội, mặc dù số tiền bị cáo trộm cắp không lớn nhưng cũng thể hiện bị cáo luôn coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức bản thân, ham chơi, lười lao động, thích hưởng thụ, hám lời bất chính, tiếp tục phạm tội, nên cần phải cách ly một thời gian để giáo dục bị cáo. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề xuất tại phiên toà là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử cân nhắc có mức án phù hợp với mức độ phạm tội của bị cáo

[6] .Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[7] .Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20B2 - 129.79, quá trình điều tra đã trả cho chị Vũ Thị H2, trú tại xóm N, xã L, thành phố TN quản lý sử dụng. Đối với số tiền 3.000 đồng bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy đây là số tiền bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách

[8] Về hình phạt bổ sung và án phí: Không phạt bổ sung đối với bị cáo; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Nguyễn Văn Tr 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự Quyết định tạm giam bị cáo 28 (hai mươi tám) ngày kể từ ngày 22/9/2021 đến ngày 19/10/2021, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Hết thời hạn trên Trại tạm giam có trách nhiệm trả tự do cho bị cáo nếu bị cáo không phạm tội khác.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu số tiền 3.000đ (ba nghìn đồng) đối với bị cáo Nguyễn Văn Tr nộp ngân sách Nhà nước

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Công an thành phố TN;
- Chi cục THADSTPTN;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Bị cáo; người bị hại.
- Lưu HS; lưu BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thu Huệ

